

Bản án số: 173 /2020/HS-ST
Ngày: 24 - 11 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Cư

Bà Thái Thực Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức T – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 186/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc H; sinh năm 1989, tại Bình Dương; Nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: 25D đường K, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 360C/12 đường Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Bích N; có chồng (đã ly hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án: Ngày 03/01/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 01/2014/HS-ST. Ngày 03/4/2014, chấp hành xong hình phạt tù. Xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết chưa tìm thấy thông tin thụ lý đối với bản án số 01/2014/HS-ST của Tòa án nhân dân Quận 3.

Tiền sự: không

Bị cáo tại ngoại (có mặt)

- Bị hại: Anh Phan Quốc S, sinh năm: 1991; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Phố M, phường V, thành phố T, tỉnh H; chỗ ở: 157C/9T2 đường T, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Đặng Thanh T, sinh năm 1991

2/ Chị Đặng Xuân M, sinh năm 1983

Là chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại di động MH - tại số 48B đường T, Phường L, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/01/2020, Nguyễn Thị Ngọc H đi bộ từ nhà đến hẻm 157 Đường T, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp bạn nhưng không gặp được nên H đi bộ ra về. Khi đi đến trước số 157C/9T2 Đường T, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thì H gặp bà Trương Thị Y (sinh năm 1932 – là người già yếu, tinh thần không ổn định) đang ngồi trước cửa nhà kêu H lại và nói “Đi mua đồ giùm cho cháu tui với”. H không thấy ai ngoài bà Y nên giả vờ xin bà Y đi nhờ nhà vệ sinh để tìm tài sản trộm cắp. Bà Y đồng ý và nói “Vô đi con”. H đi vào trong nhà thì thấy anh Phan Quốc S (cháu của bà Y) đang ngủ tại phòng khách. Khi đi qua phòng ngủ của anh S, H nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus và 01 máy tính bảng Ipad Air 2 đựng trong bao da và đặt trên tủ quần áo nên H lại gần dùng hai tay để lấy 02 tài sản trên bỏ vào trong người. Phát hiện 01 ba lô để gần đó nên H mở ba lô và lấy số tiền 1.600.000 đồng trong ba lô rồi đi ra khỏi nhà. Sau khi lấy được tài sản, H đi ra đường Đường T đón xe ôm đi đến cửa hàng buôn bán, sửa chữa điện thoại di động MH tại số 48B Đường T, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và bán cho anh Đặng Thanh T với giá 2.500.000 đồng (trong đó bán điện thoại di động với giá 1.000.000 đồng và 01 Ipad với giá 1.500.000 đồng).

Đến khoảng 00 giờ 15 phút, sau khi anh Phan Quốc S trình báo về việc mất trộm và cung cấp hình ảnh ghi lại việc Nguyễn Thị Ngọc H lén lút vào nhà và lấy trộm tài sản thì Công an Phường 1, Quận 8 đã mời H lên trụ sở làm rõ sự việc.

Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau khi bán được tài sản, H đã tiêu xài cá nhân hết và chỉ còn lại số tiền 115.000 đồng.

Ngày 25/02/2020, Hội đồng định giá trong tố tụng Quận 8 kết luận:

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus dung lượng 32GB có giá trị là 4.590.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

+ 01 máy tính bảng hiệu Ipad Air 2 dung lượng 32GB có giá trị là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ 01 bao da Ipad Air 2 nhãn hiệu Kakusiga màu vàng sọc đen có giá trị là 100.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus dung lượng 32GB; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air 2; 01 bao da Ipad Air 2 nhãn hiệu Kakusiga. Ngày 26/02/2020, Công an Quận 8 đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu là anh Phan Quốc S.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo là tài sản của Nguyễn Thị Ngọc H và H không dùng vào việc phạm tội.

- Số tiền 115.000 đồng là tiền H trộm cắp mà có.

- 01 USB hiệu Kingston màu xanh lá, nhãn hiệu Sandisk do anh Phan Quốc S giao nộp ghi lại hình ảnh Nguyễn Thị Ngọc H vào nhà anh S trộm cắp tài sản.

Trách nhiệm dân sự:

- Anh Phan Quốc S đã nhận lại tài sản của mình. Đối với số tiền 1.600.000 đồng mà H trộm cắp thì anh S không yêu cầu H trả lại số tiền này.

- Anh Đặng Thanh T và chị Đặng Xuân M (chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại di động MH) đã giao nộp những tài sản phạm pháp của H để phục vụ điều tra và yêu cầu H phải hoàn lại số tiền 2.500.000 đồng cho cửa hàng.

Tại bản Cáo trạng số 179/ CT-VKSQ8 ngày 12/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H từ 12 tháng đến 18 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng thu giữ: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Vivo, tịch thu sung quỹ số tiền 115.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/01/2020, tại số 157C/9T2 Đường T,

Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo H có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Phan Quốc S tài sản có tổng trị giá trị là 10.790.000 đồng, hành vi của bị cáo H bị phát hiện và bị Công an bắt giữ.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã từng bị kết án và bị xử phạt tù nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Ngày 03/01/2014, bị cáo H bị Tòa án nhân dân Quận 3 xét xử tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 03/4/2014, chấp hành xong hình phạt tù. Xác minh việc thi hành án dân sự tại chi cục Thi hành án dân sự Quận 3 cho biết chưa tìm thấy thông tin thụ lý đối với bản án xét xử Trần Thị Ngọc H từ Tòa án nhân dân Quận 3 nên chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này là thuộc trường hợp “tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). .

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn; vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus dung lượng 32GB; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air 2; 01 bao da Ipad Air 2 nhãn hiệu Kakusiga. Ngày 26/02/2020, Công an Quận 8 đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu là anh Phan Quốc S.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo là tài sản của Nguyễn Thị Ngọc H và H không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 115.000 đồng là tiền H trộm cắp mà có, do bị hại không có yêu cầu nhận lại số tiền này nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 USB hiệu Kingston màu xanh lá, nhãn hiệu Sandisk do anh Phan Quốc S giao nộp ghi lại hình ảnh Nguyễn Thị Ngọc H vào nhà anh S trộm cắp tài sản, do anh S không có yêu cầu nhận lại nên tiếp tục lưu hồ sơ.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Anh Đặng Thanh T và chị Đặng Xuân M (chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại di động MH) đã giao nộp những tài sản phạm pháp của H để phục vụ điều tra và yêu cầu H phải hoàn lại số tiền 2.500.000 đồng cho cửa hàng và bị cáo cũng đồng ý thanh toán số tiền này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Đối với anh Đặng Thanh T và chị Đặng Xuân M do không biết những tài sản mà H bán là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng (không kiểm tra tình trạng bên trong máy).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 115.000 (một trăm mười lăm ngàn) đồng.

Tiếp tục lưu hồ sơ 01 USB hiệu Kingston màu xanh lá, nhãn hiệu Sandisk.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/10/2020)

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H hoàn trả cho anh Đặng Thanh T và chị Đặng Xuân M số tiền là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc